

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 5 - 2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Công C

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Tr

Ông Lã Ngọc T

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1969. (Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1965. (Vắng mặt).

Đều ĐKKHKT: Số nhà 01, ngõ 31, tổ 22B, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/12/2019 và Biên bản hòa giải ngày 03/03/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày: Chị và anh Đỗ Văn Th tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 05/3/1990 tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố V, tỉnh P. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm dẫn đến xô sát, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 18/4/1991 và Đỗ Đức Ch, sinh ngày 23/02/1993. Nay các con cùng đã khôn lớn, trưởng thành nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020 và Biên bản hòa giải ngày 03/03/2020 anh Th trình bày: Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P về việc chị Nguyễn Thị Kim C xin ly hôn anh. Anh và chị C là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố V, tỉnh P. Anh thừa nhận thời gian này giữa anh và chị C không còn quan tâm, chia sẻ tình cảm với nhau là đúng nhưng anh không muốn ly hôn, còn việc chị C muốn ly hôn thì tự chị C quyết định.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 18/4/1991 và Đỗ Đức Ch, sinh ngày 23/02/1993. Hai con chung hiện nay đã khôn lớn, trưởng thành và lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh nhất trí với lời trình bày của chị C và không có ý kiến gì.

Ngày 26/02/2020, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị C và anh Th và được đại diện chính quyền địa phương xác nhận: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Đỗ Văn Th là vợ chồng và có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường Th. Gia đình chị C, anh Th đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Gi từ tháng 07/2018 và hiện nay vẫn đang sinh sống tại tổ 22B, khu H, phường G. Trong quá trình chung sống tại khu H vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, nhiều lần to tiếng, tuy nhiên sự việc chưa báo cáo chính quyền địa phương giải quyết. Nay chị C xin ly hôn anh Th, quan điểm của chính quyền địa phương nếu vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân thì đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Theo báo cáo về nhân khẩu thì chị C và anh Th có 02 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 18/4/1991 và Đỗ Đức Ch, sinh ngày 23/02/1993. Hiện nay, các cháu đều đã khôn lớn và lao động tự túc tại N.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về nội dung giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C và xử

theo hướng: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn anh Đỗ Văn Th; Về con chung: Đương sự không yêu cầu do các con chung đã khôn lớn, trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung và công sức đóng góp: Xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C và bị đơn anh Đỗ Văn Th đều có hộ khẩu thường trú tại số nhà 01, ngõ 31, tổ 22B, khu H, phường Gi, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

Đối với bị đơn anh Đỗ Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Đỗ Văn Th là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ không còn quan tâm, chia sẻ tình cảm với nhau và sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị C xin ly hôn anh Th, quan điểm của anh Th không đồng ý ly hôn chị C nhưng cũng thừa nhận hiện tại vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ tình cảm với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Th đã trầm trọng, mặc dù anh chị cùng sống chung dưới một mái nhà nhưng không còn quan tâm, chia sẻ tình cảm và chăm lo cho nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chị C xin ly hôn anh Th là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị C, anh Th đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 18/4/1991 và Đỗ Đức Ch, sinh ngày 23/02/1993. Hiện nay, các con chung đã khôn lớn, trưởng thành. Ly hôn, chị C không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về con chung. Xét thấy, hai con chung của chị C và anh Th đã khôn lớn, trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

- Về tài sản chung: Chị C xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không

đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Th cũng nhất trí với lời trình bày của chị C và không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

- Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị C xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Th cũng nhất trí với lời trình bày của chị C và không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn anh Đỗ Văn Th.

[2] Về con chung: Xác định chị C, anh Th có 02 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 18/4/1991 và Đỗ Đức Ch, sinh ngày 23/02/1993. Các con chung đã khôn lớn, trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị C, anh Th xác định có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị C, anh Th xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị C đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000711 ngày 16/12/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

Trên đây là bản quyết định của Tòa án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, theo qui định tại Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, theo qui định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị C, anh Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. V;
- Chi Cục THADS TP. V;
- UBND P. Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hụ C«ng C